

CHUYÊN ĐỀ 3:

ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU VÀ DANH ĐỘNG TỪ (INFINITIVE AND GERUND)

Tài liệu gồm:

- ✓ Lý thuyết chi tiết chủ điểm Danh động từ và V-inf
- ✓ Bài tập thực hành
- ✓ Đáp án - giải thích chi tiết
- ✓ Ghi chú của em

Nhớ tham gia các Group học tập để thi đạt 9 – 10 Tiếng Anh nhé ^^:

Aland English – Luyện thi IELTS, luyện thi lớp 10, 11, 12

➤ Fanpage: <https://www.facebook.com/aland.thpt/>

➤ Group: <https://www.facebook.com/groups/aland.thpt/>

Aland English – Expert in IELTS

➤ Fanpage: <https://www.facebook.com/aland.edu.vn/>

➤ Group: <https://www.facebook.com/groups/ielts.aland/>

I. INFINITIVE (Động từ nguyên mẫu)

1. To - infinitive (Động từ nguyên mẫu có “to”)

* **Động từ nguyên mẫu có “to” có chức năng:**

- Chủ ngữ của câu:

Ví dụ: *To become* a teacher is my dream.

- Bỏ ngữ cho chủ ngữ:

Ví dụ: What I like is *to play* soccer in this school.

- Tân ngữ của động từ

Ví dụ: I want *to learn* French.

- Tân ngữ của tính từ

Aland English sưu tầm và tổng hợp

Ví dụ: I'm glad to meet you.

***V + to-inf**

- Sau các động từ: *agree, appear, afford, ask, demand, expect, hesitate, intend, invite, want, wish, hope, promise, decide, tell, refuse, learn, fail (thất bại), plan, manage, pretend (giả vờ), remind, persuade, force, order, urge (thúc giục), seem, tend, threaten,...*

*** Note:**

- allow / permit / advise / recommend + O + to-inf

- allow / permit / advise / recommend + V-ing

- be allowed / permitted + to-inf

2. Infinitive without to (V1): Động từ nguyên mẫu không “to”

Động từ nguyên mẫu không “to” được dùng:

- Sau động từ khiếm khuyết: *can, will, shall, could, would,...*

- Các động từ chỉ tri giác: *hear, sound, smell, taste, feel, watch, notice, see, listen, find... + O + V1* (chỉ sự hoàn tất của hành động - nghe hoặc thấy toàn bộ sự việc diễn ra)

Vì dụ: I saw *her* get off the bus.

- Help + to-inf / V1 / with N

Ví dụ: He usually helps his sister *to do* her homework.

He usually helps his sister *do* her homework.

He usually helps his sister *with* her homework.

II. GERUND (V-ING): DANH ĐỘNG TỪ

*** Danh động từ có thể được dùng làm:**

Aland English sưu tầm và tổng hợp

- Chủ ngữ của câu: *Swimming is my favourite sport.*
- Bỏ ngữ của động từ: *My hobby is listening to music.*
- Tân ngữ của động từ: *I like traveling.*

* V + V-ing

- Sau các động từ: *enjoy, avoid, admit, appreciate (đánh giá cao), mind, finish, practice, suggest, postpone (hoãn lại), consider (xem xét), hate, admit (thừa nhận), like, love, deny (phủ nhận), detest (ghét), keep (tiếp tục), miss (bỏ lỡ), imagine (tưởng tượng), mention, risk, delay (trì hoãn),...*
- Sau các cụm động từ: *can't help (không thể không), can't bear / can't stand (không thể chịu được), be used to, get used to, look forward to, it's no use/it's no good (không có ích lợi gì, vô ích), be busy, be worth (đáng giá)*
- Sau giới từ; *in, on, at, from, to, about...*
- Sau các liên từ: *after, before, when, while, since,...*
- S + spend / waste + time / money + V-ing

2. Những cách dùng khác của INFINITIVE OR GERUND

1. Không thay đổi nghĩa:

- begin / start / continue / like / love + to-inf / V-ing

Ex: It started *to rain / raining*.

2. Thay đổi nghĩa.

- + remember / forget / regret + V-ing: nhớ / quên / hối tiếc việc đã xảy ra rồi (trong quá khứ)
- + remember / forget / regret + to-inf: nhớ / quên / nuối tiếc việc chưa, sắp xảy ra (trong tương lai)

Aland English sưu tầm và tổng hợp

Ví dụ: Don't forget *to turn off* the light when you go to bed.

I remember meeting you somewhere but I can't know your name.

Remember *to send* her some flowers because today is her birthday.

+ stop + V-ing: dừng hẳn việc gì

+ stop + to-inf: dừng để làm gì

Ví dụ: He stopped *smoking* because it is harmful for his health.

On the way home, I stopped at the post office *to buy* a newspaper.

+ try + V-ing: thử

+ try + to-inf: cố gắng

EXERCISE:

Chọn đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu sau:

1. I saw him _____ a song in his room.

A. to sing

B. sing

C. sung

D. sang

2. Nam'd better _____ an umbrella.

A. take

B. to take

C. taking

D. to be taken

3. Would you mind if I _____ photos here?

A. to take

B. took

C. taking

D. take

4. He made me _____ a lot.

A. cried

B. cry

C. to cry

D. crying

5. I had my mother _____ a letter yesterday.

A. posting

B. to post

C. post

D. posted

Aland English sưu tầm và tổng hợp

6. You should _____ these things.

- A. to know B. know C. knowing D. known

7. My mother doesn't let me _____ out at night.

- A. going B. to go C. go D. gone

8. We heard him _____ downstairs.

- A. ran B. to be run C. to run D. run

9. Let's _____ a song.

- A. singing B. sing C. to sing D. sang

10. I am planning _____ Hue city next week.

- A. visit B. visiting C. visited D. to visit

11. I must go now. I promise _____ late.

- A. not being B. not to be C. not being D. won't be

12. My father stopped the car in order _____.

- A. smoke B. to smoke C. smoking D. Smoked

13. It was late, so we decided _____ a taxi home.

- A. to take B. taken C. taking D. take

14. How old were you when you learnt _____ a bike?

- A. how to ride B. how ride C. how riding D. how rode

15. He always encourages his daughter _____ harder.

- A. study B. Studied C. to study D. studying

16. Don't forget _____ the letter I gave you.

Aland English sưu tầm và tổng hợp

A. to post

B. posting

C. post

D. Posted

17. I got my brother_____my bike.

A. repair

B. to repair

C. repairing

D. repaired

18. It is too cold for us_____.

A. went out

B. go out

C. to go out

D. going out

19. It takes me fifteen minutes _____to school every day.

A. walking

B. to walk

C. walk

D. walked

20. We expect him_____here tomorrow.

A. arrive

B. Arriving

C. to arrive

D. will arrive

ANSWER KEY:**1. B**

See + O + V (bare -inf): nhìn thấy ai làm gì (nhìn thấy toàn bộ hành động)

Dịch nghĩa: Tôi đã nhìn thấy anh ấy hát trong phòng anh ấy.

2. A

Had better + V (bare- inf): nên làm gì

Dịch nghĩa: Nam nên mang theo ô.

3. B

Would you mind if + s + V2/ed...?

Dịch nghĩa: Bạn có phiền nếu tôi chụp ảnh ở đây không?

4. B

Make + O + V (bare-inf): khiến/làm ai đó như thế nào

Dịch nghĩa: Anh ấy đã làm cho tôi khóc nhiều.

5. C

Have sb do sth: nhờ ai làm gì

Dịch nghĩa: Hôm qua tôi đã nhờ mẹ tôi gửi bức thư.

6. B

Should + V(bare-inf): nên làm gì

Dịch nghĩa: Bạn nên biết những điều này.

7. C

Let + O + V (bare-inf): để / cho phép ai làm gì

Aland English sưu tầm và tổng hợp

Dịch nghĩa: Mẹ tôi không cho phép tôi đi chơi tối nay.

8. D

Hear + O + V (bare-inf): nghe thấy ai làm gì

Dịch nghĩa: Chúng tôi đã nghe thấy anh ấy chạy xuống dưới tầng.

9. B

Let's + V (bare- inf)

Dịch nghĩa: Chúng ta hãy hát nào.

10. D

Plan to V: dự định làm gì đó

Dịch nghĩa: Tôi đang dự định đi tới thành phố Huế vào tuần sau.

11. B

Promise to V: hứa làm gì đó

Dịch nghĩa: Tôi phải đi bây giờ. Tôi hứa không về trễ.

12. B

In order to/ so as to + V (bare -inf): để làm gì

Dịch nghĩa: Bố tôi đã dừng xe lại để hút thuốc.

13. A

Decide to V: quyết định làm gì

Dịch nghĩa: Đã muộn rồi cho nên chúng tôi đã quyết định đi taxi về nhà.

14. A

Learn how + to V: học cách làm gì đó

Aland English sưu tầm và tổng hợp

Dịch nghĩa: Bao nhiêu tuổi thì bạn học cách đi xe đạp?

15. C

Encourage + O + to V: khuyến khích / động viên ai làm gì đó

Dịch nghĩa: Anh ấy luôn động viên con gái chăm học hơn.

16. A

Forget + Ving: quên đã làm gì đó (trong quá khứ)

Forget + to V: quên phải làm gì đó (sự việc chưa xảy ra) => Dùng "don't forget to V" để nhắc nhở ai đó làm điều gì đó

Dịch nghĩa: Đừng quên gửi bức thư mà tôi đã đưa cho bạn nhé.

17. B

Get sb to do sth: nhờ ai làm gì đó

Dịch nghĩa: Tôi đã nhờ anh trai sửa xe đạp.

18. C

Too + adj/ adv (for O) to V...: quáđến nỗi mà...không thể làm gì

Dịch nghĩa: Trời quá lạnh đến nỗi mà chúng tôi không thể đi ra ngoài được.

19. B

It + takes + O + time + to V...(Ai đó mất bao nhiêu thời gian để làm gì đó)

Dịch nghĩa: Hàng ngày tôi mất 15 phút để đi học.

20. C

Expect + O + to V: mong chờ/ mong đợi ai làm gì đó

Dịch nghĩa: Chúng tôi mong chờ anh ấy đến đây vào ngày mai.

Kiến thức em cần note lại:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....